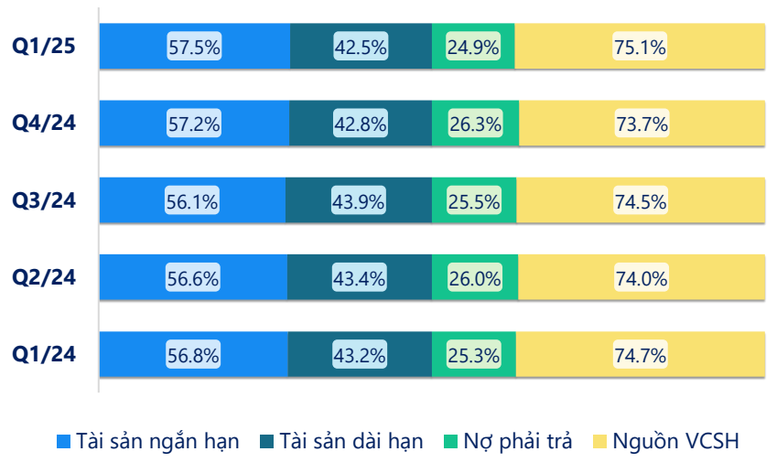
FireAnt

CTCP Everpia (HSX: EVE)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,050
SL cổ phiếu LH	41,979,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,740
% sở hữu nước ngoài	66.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	449
P/E	-14.1
EPS	-761

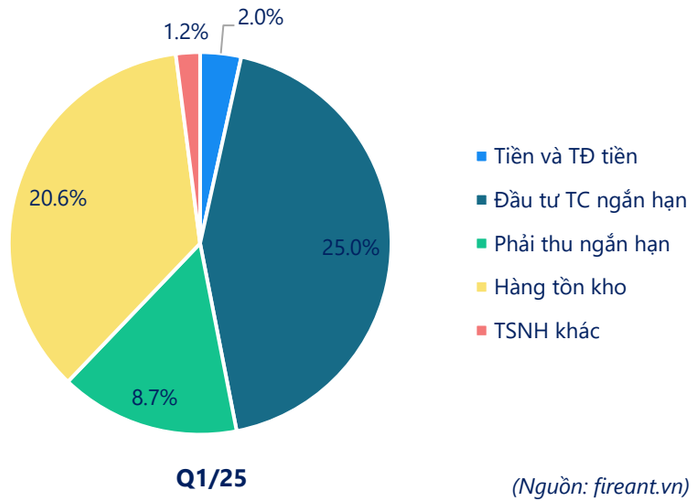
	YTD	1T	3T	6T
EVE	2.4%	-0.9%	2.4%	-5.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



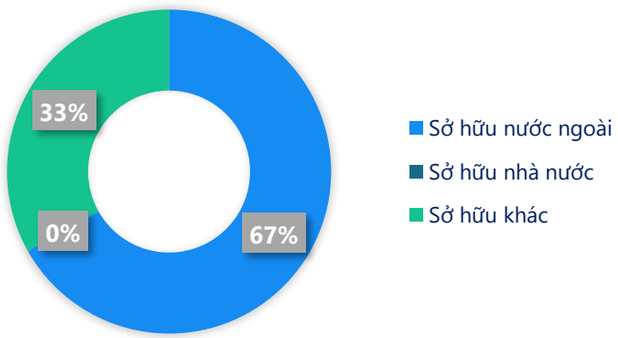
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



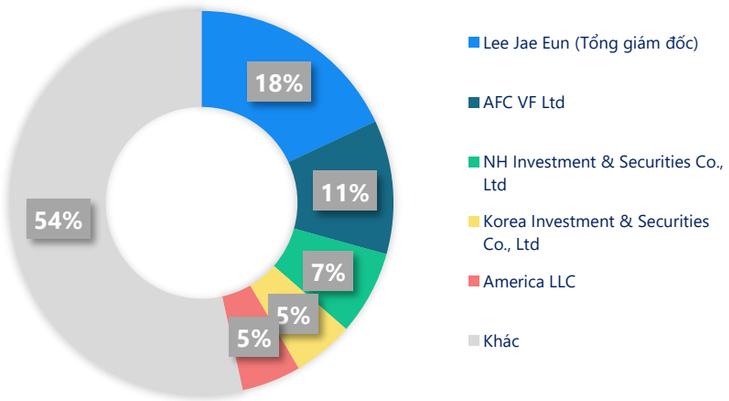
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



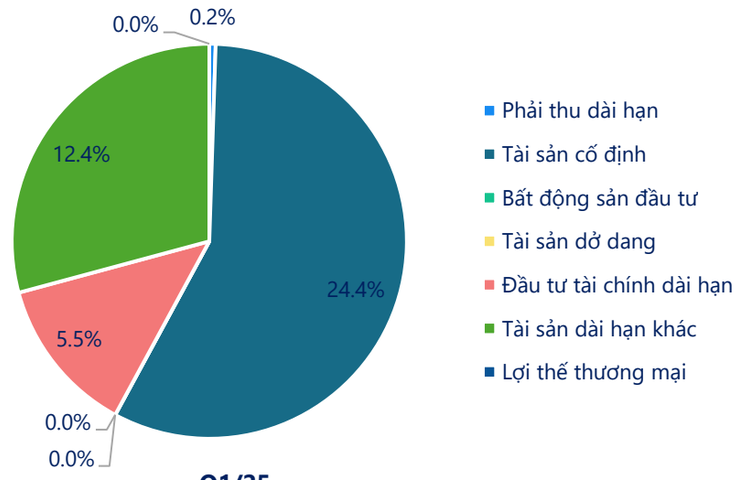
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

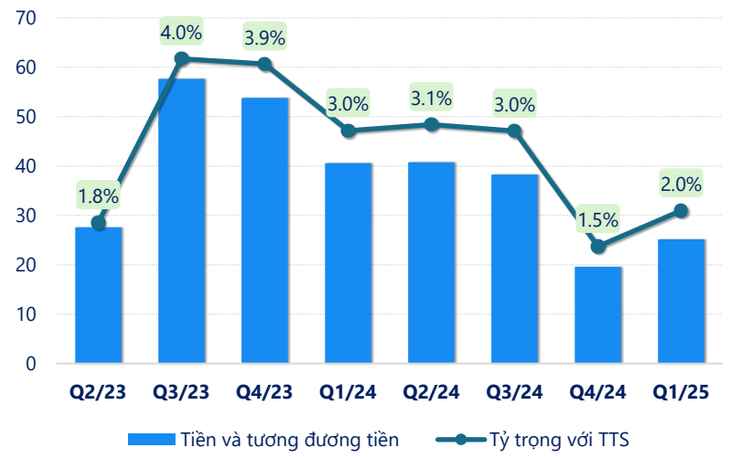


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

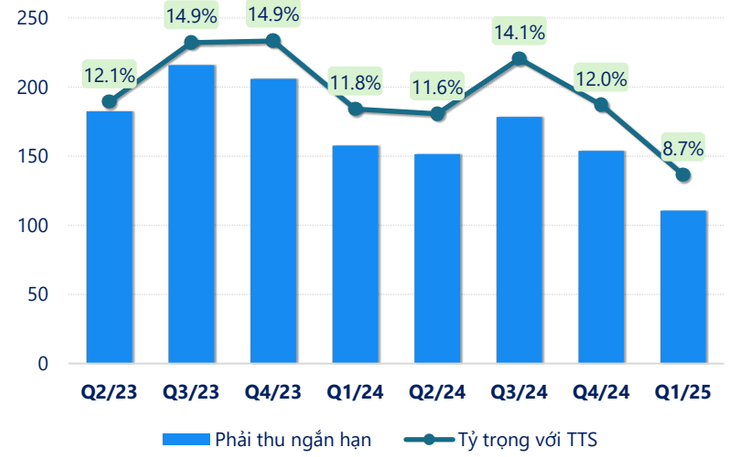
CTCP Everpia (HSX: EVE)

Tiền và tương đương tiền



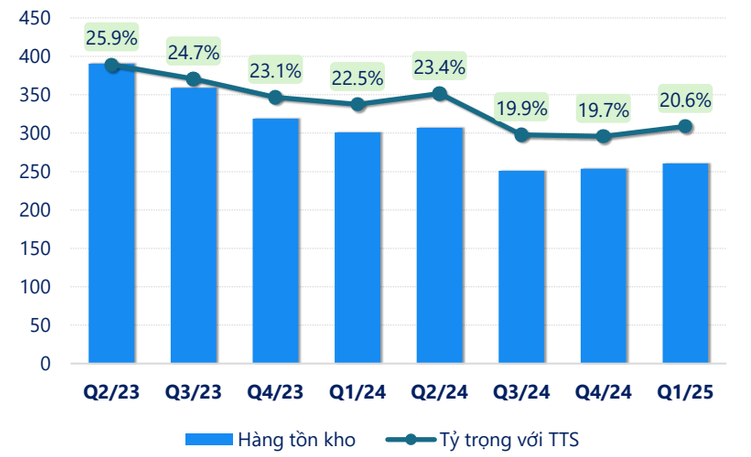
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



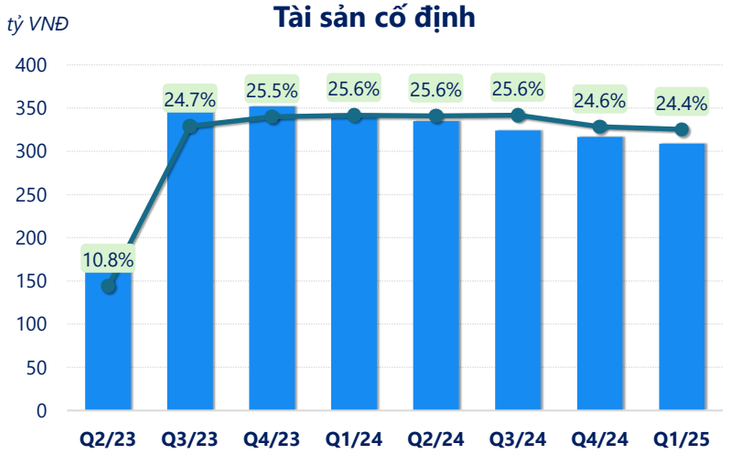
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



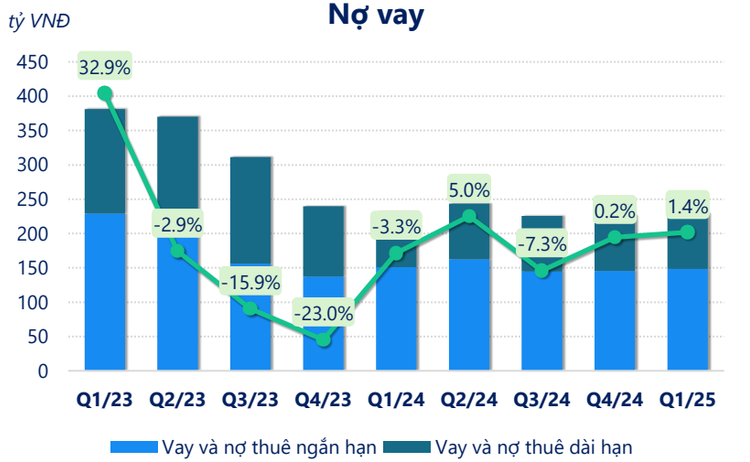
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



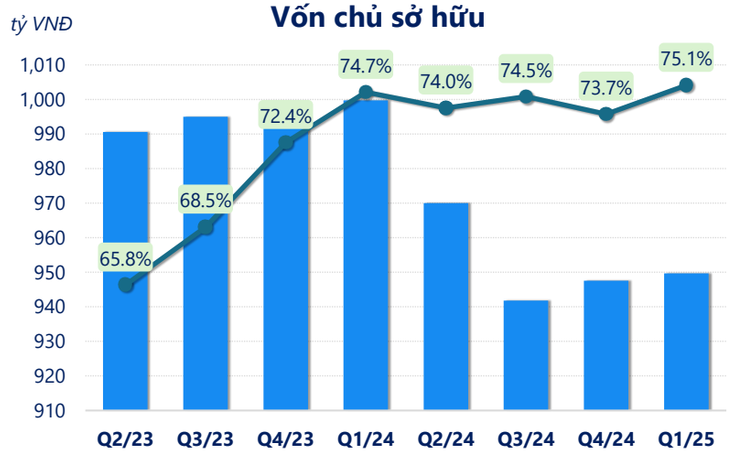
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

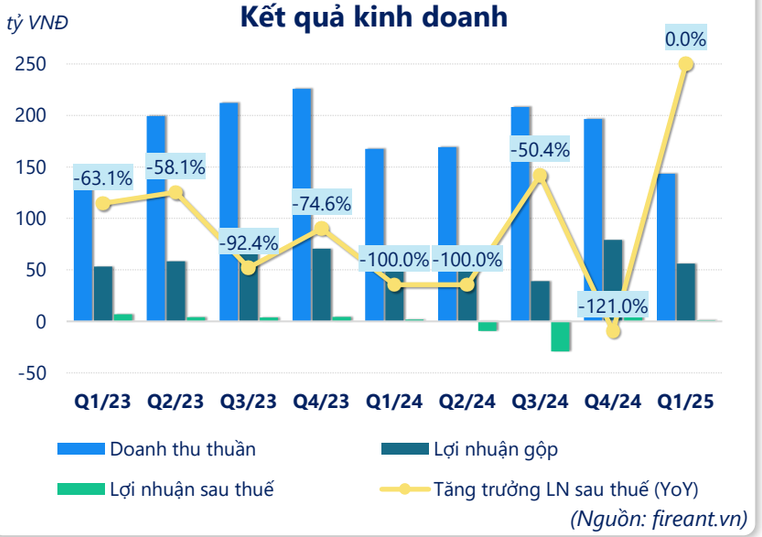


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

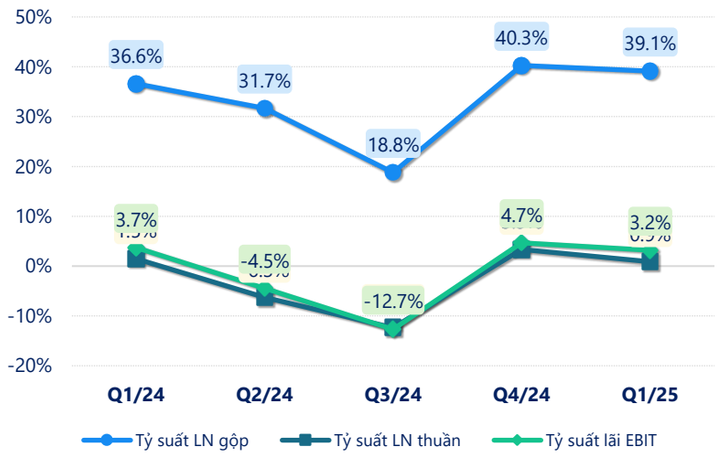
CTCP Everpia (HSX: EVE)

Kết quả kinh doanh



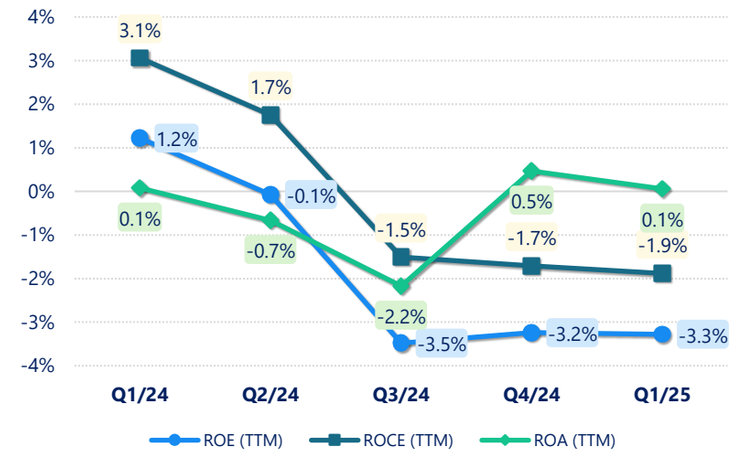
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



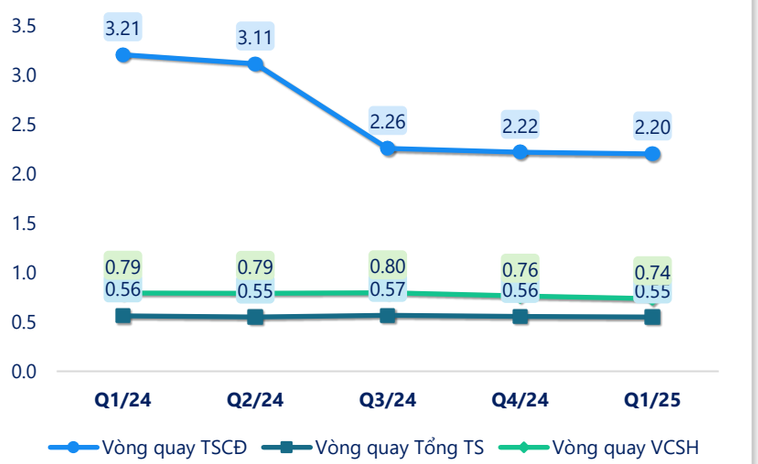
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



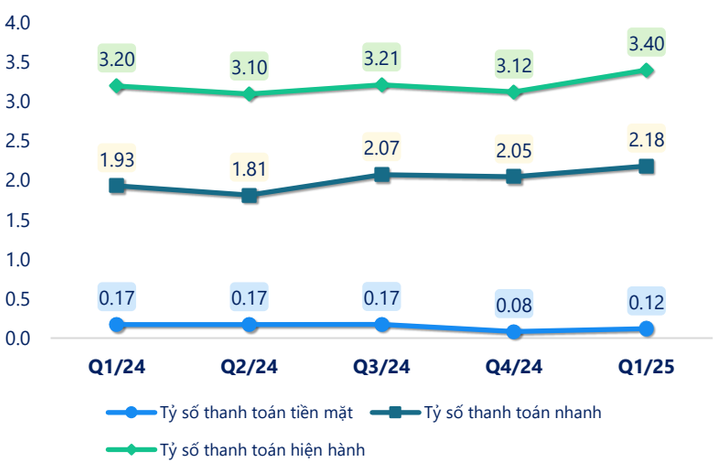
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



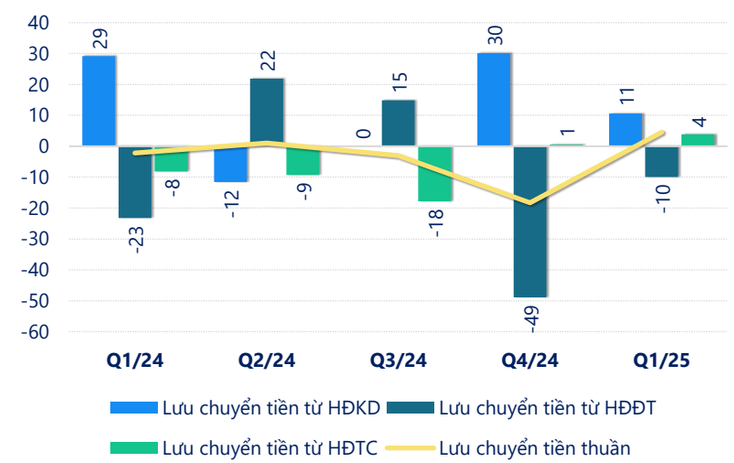
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Everpia (HSX: EVE)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,265**	**1,284**	**-1.5%**
Tài sản ngắn hạn	727	741	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	25.2	19.5	29.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	316	299	5.7%
Phải thu ngắn hạn	111	155	-28.4%
Hàng tồn kho	260	253	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	14.8	14.2	4.2%
Tài sản dài hạn	**538**	**543**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	2.77	2.86	-3.2%
Tài sản cố định	309	315	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	69.4	64.6	7.4%
Tài sản dài hạn khác	**157**	**161**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	316	336	-6.0%
Nợ ngắn hạn	**214**	**233**	**-8.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	145	2.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	31.2	42.7	-26.9%
Nợ dài hạn	102	103	-1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.8	80.8	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**950**	**948**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**950**	**948**	**0.1%**
Vốn điều lệ	420	420	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	167	169	208	197	143
Giá vốn hàng bán	106	116	169	117	87.2
Lợi nhuận gộp	61.3	53.6	39.1	79.1	56.0
Doanh thu HĐTC	9.34	5.84	5.17	6.52	6.70
Chi phí TC	3.51	4.83	3.87	4.02	4.31
Chi phí lãi vay	3.14	2.87	2.68	2.84	2.87
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	40.1	40.7	42.2	52.7	35.8
Chi phí QLDN	24.5	24.5	23.9	22.4	21.4
LN thuần từ HĐKD	2.47	-10.6	-25.7	6.57	1.27
Lợi nhuận khác	0.63	0.20	-3.36	-0.23	0.39
LN trước thuế	3.09	-10.4	-29.1	6.34	1.66
Lợi nhuận sau thuế	1.64	-9.27	-29.3	6.44	1.09
LNST của CĐ cty mẹ	1.11	-9.38	-29.5	6.21	0.72

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	29.2	-11.6	0.01	30.1	10.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.2	21.9	14.8	-48.9	-9.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.20	-9.25	-17.9	0.54	3.84
Tiền đầu kỳ	40.9	40.6	40.8	38.3	19.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.21**	**1.07**	**-3.01**	**-18.3**	**4.52**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.93	-0.86	0.49	-0.35	1.15
Tiền cuối kỳ	40.6	40.8	38.3	19.6	25.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic